



MARKET INSIGHTS REPORTS

05.09.2024

HỢI VINCOM GÁNH CHỈ SỐ



NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
Hỗ trợ là MA(50)
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY
Giấc mơ Mỹ hiện có giá 4,4 triệu USD
Nông nghiệp là công việc sử dụng lao động lớn nhất ở Ấn Độ
- 10** TTCK MỸ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng giảm đan xen vào tối nay.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	478
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	118
Số cổ phiếu giảm giá	285
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	75

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	216
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	62
Số cổ phiếu giảm giá	95
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	59

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	357
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	130
Số cổ phiếu giảm giá	119
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	108

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	92,503.29	115,379.86	(22,876.57)
% KL toàn thị trường	13.90%	17.33%	
Giá trị	2,747,090	3,432,870	(685,779)
% GT toàn thị trường	16.56%	20.70%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,958.31	1,870.51	87.80
% KL toàn thị trường	13.90%	17.33%	
Giá trị	65,544	49,871	15,673
% GT toàn thị trường	6.59%	5.01%	

UPCOM

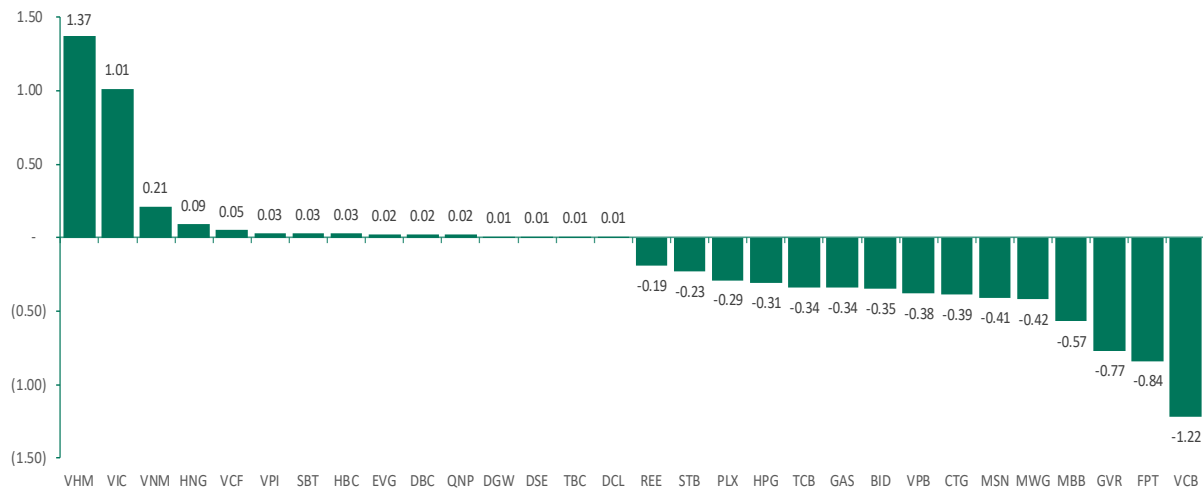
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	516.40	620.04	(103.64)
% KL toàn thị trường	1.47%	1.76%	
Giá trị	16,099	15,872	226
% GT toàn thị trường	2.40%	2.37%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,184,100	90,100	-900 (-0.99%)	14.85	2.77	6,067	503,577
2	BID	1,899,400	48,700	-250 (-0.51%)	11.53	2.06	4,223	277,611
3	GAS	900,300	83,300	-600 (-0.72%)	16.72	2.70	4,981	191,318
4	FPT	8,055,600	130,600	-2,400 (-1.8%)	23.25	5.82	5,618	190,735
5	VHM	22,146,100	43,750	1,250 (2.94%)	8.19	0.92	5,341	190,504
6	CTG	8,504,400	35,000	-300 (-0.85%)	8.80	1.38	3,977	187,950
7	VIC	4,519,500	45,050	1,050 (2.39%)	47.17	1.06	955	172,256
8	TCB	11,375,000	22,800	-200 (-0.87%)	3.74	0.58	6,098	160,626
9	HPG	22,563,500	25,050	-200 (-0.79%)	13.14	1.47	1,906	160,226
10	VNM	5,857,500	74,700	400 (0.54%)	16.12	4.07	4,633	156,120

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	-0.65%	+34.30%	1,597
▼ Tài chính	-0.72%	+17.15%	103
▶ Tổ chức tín dụng	-0.76%	+18.39%	29
▶ Dịch vụ tài chính	-0.49%	+8.48%	61
▶ Bảo hiểm	-0.28%	+15.12%	13
▶ Bất động sản	+0.70%	+2.44%	142
▼ Công nghiệp	-0.27%	+72.87%	390
▶ Vận tải	-0.50%	+99.99%	134
▶ Tư liệu sản xuất	+0.34%	+14.33%	212
▶ Dịch vụ chuyên biệt và thương mại	-0.47%	+179.43%	44
▼ Tiêu dùng thiết yếu	-0.50%	+34.98%	162
▶ Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.51%	+34.91%	155
▶ Đồ gia dụng và cá nhân	-0.13%	+44.00%	6
▶ Bán lẻ thực phẩm và nhu yếu phẩm	+10.00%	+317.98%	1
▶ Nguyên vật liệu	-1.22%	+17.62%	256
▶ Tiện ích	-0.72%	+11.52%	148
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	-1.15%	+36.77%	263
▶ Phân phối và bán lẻ hàng lâu bền	-1.36%	+45.98%	127
▶ Hàng tiêu dùng và trang trí	-0.55%	+24.16%	91
▶ Dịch vụ tiêu dùng	-0.54%	-21.00%	33
▶ Xe và linh kiện	-1.34%	-5.59%	12
▼ Viễn thông	-2.45%	+221.31%	49
▶ Viễn thông	-2.61%	+270.42%	22
▶ Truyền thông giải trí	-0.24%	-14.20%	27
▼ Công nghệ thông tin	-1.79%	+54.56%	14
▶ Phần mềm	-1.80%	+54.82%	7
▶ Phần cứng	+0.08%	+15.46%	5
▶ Bán dẫn	+2.04%	-16.34%	2
▶ Năng lượng	-1.20%	+33.84%	21
▼ Chăm sóc sức khỏe	-0.74%	+26.61%	49
▶ Dược phẩm - sinh học	-0.58%	+27.82%	44
▶ Chăm sóc sức khỏe	-3.02%	+10.51%	5

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 7.59 điểm (- 0.59%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Bán lẻ thực phẩm nhu yếu phẩm, bán dẫn, bất động sản, tư liệu sản xuất, phần cứng...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu HVA, VTE, VBH, VHM, VIC, VRE, VPI, TIG, HPX, VEA, HBC, VC2, C69, VTB ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VIC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: “Small White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá sau khi có Break out MA(200) vào ngày 27/08/2024 thì đã có Pull Back trở lại và phục hồi tại ngưỡng hỗ trợ động MA(200) – Mô hình lý thuyết chuẩn phân tích kỹ thuật;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 61%;

(ii) VHM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá vận động trong khung cùng cổ với kháng cự là 54.5 – Một Break out sẽ tiếp tục xác nhận mô hình tăng giá Rally – Base – Rally;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc cao mới và ở trong vùng quá mua – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 50%;

(iii) VRE tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: “Small Black Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá chạm dải băng trên và giá đóng cửa không phải là cây nến tích cực – Price Action là điểm trừ cho mô hình hôm nay;
- ✓ Mô hình hai đỉnh đang cản trở đà tăng giá của cổ phiếu này;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 50%;

(iv) VEA tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: “Small White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá vẫn đang nằm trên hỗ trợ MA(50) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ MA(50) đang đi ngang và MA(20) đang tăng trở lại – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(2) Chăm sóc sức khỏe, viễn thông, phần mềm, phân phối và bán lẻ hàng lâu bền, xe và linh kiện, nguyên vật liệu, năng lượng, tổ chức tín dụng, tiện ích...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như TNH, AMV, VGI, FOX, CTR, FPT, CMG, MWG, PNJ, PLX, OIL, HAX, DRC, SRC, HPG, GVR, DGC, DCM, HSG, VCS, NKG, HT1, BMP, BSR, PVD, PVC, PVS, VCB, CTG, BID, TCB, GAS, REE... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VGI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VGI vẫn vận động theo mô hình sóng giảm giá cấu trúc – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Chúng tôi cho rằng nhà đầu tư không nên mua cổ phiếu VGI lúc này;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 52%;

(ii) CMG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ RSI(14) đang đi xuống – Tín hiệu tiêu cực ngắn hạn;
- ✓ CMG đang thiết lập mô hình sóng giảm giá cấu trúc – Tín hiệu tiêu cực ngắn hạn;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 59%;

(iii) HPG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: “Hangging Man”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng dưới mở ra hỗ trợ giá giảm – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ MA(50) sắp cắt xuống MA(200) – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Về cơ bản xu hướng HPG là xu hướng giá xuống dài hạn – Nhà đầu tư nên thận trọng;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 60%;

(iv) REE giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng dưới mở ra hỗ trợ giá xuống – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Sóng giảm giá cấu trúc đang hình thành – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Nhà đầu tư không nên dò đáy REE lúc này;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 63%;

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Bearish Engulfing”. Khối lượng giao dịch tăng và nằm trên mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch tăng kh là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng – Tín hiệu tiêu cực;

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 750 tỷ đồng. Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VHM, VNM, FUEVFNVD, NVL, PVS, TPB, FRT, BSR, HVN, PVI... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FPT, HPG, VPB, HSG, VCI, STB, HCM, PDR, CTG, GMD... Khối ngoại vẫn tiếp tục duy trì đà bán ròng với thép đang là nhóm bị bán ròng mạnh nhất. Chúng ta chưa biết đà bán ròng này khi nào dừng lại. Trước mắt có thể kỳ vọng những bất ngờ tới từ cuộc họp của FED vào ngày 18-19/9 xem liệu có việc cắt giảm 50 điểm của FED FUND RATE hay không và những dấu hiệu cho thấy FED FUND RATE sẽ giảm xuống dưới mức 5% có thể kích thích dòng tiền khối ngoại quay trở lại.

(ii) VN-Index đang đối mặt với đường kháng cự nổi hai đỉnh 12/06/2024 và 09/07/2024. Việc xuất hiện nền đồ điều chỉnh ở khu vực này là điều có thể hiểu được. Ngoài ra, VN-Index vẫn còn một khoảng trống giá ngày 19/08/2024 chưa lấp lại do vậy chúng tôi cho rằng có thể chỉ số xuất hiện một nhịp chỉnh để lấp đầy khoảng trống giá tạo ra cũng là điều thường thấy. Về cơ bản mẫu hình cốc tay cầm có thể hình thành với đơn vị tính theo tuần. Điều này phù hợp với chu kỳ tái tích lũy do đợt phục hồi chữ V của thị trường.

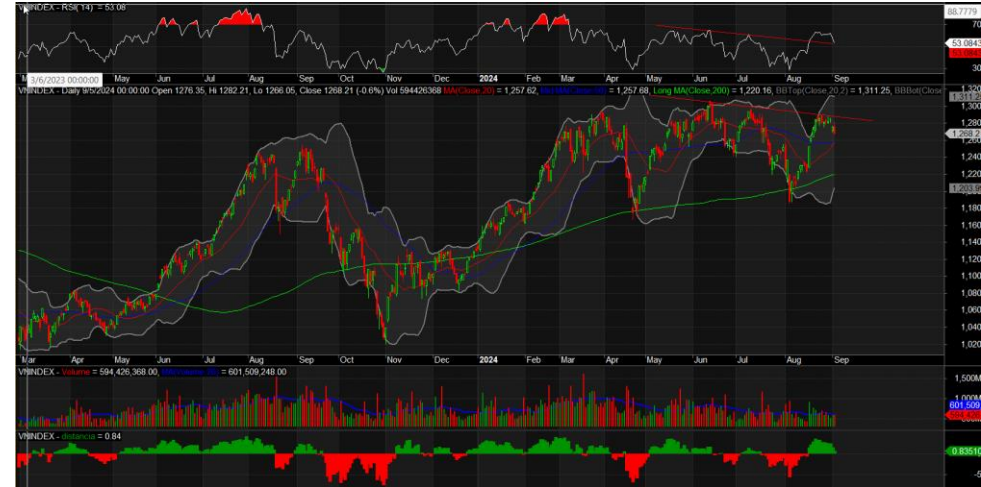
(iii) Điểm tích cực trên đồ thị kỹ thuật là MA(20) đang cắt lên MA(50) và giá vẫn ở trên cả hai đường trung bình động này. Cả hai đường trung bình động này đang hướng lên. Đây là tín hiệu tăng giá tng hạn theo lý thuyết.

(iv) Về dòng tiền, mặc dù đa phần thị trường giao dịch trong sắc đỏ và chủ yếu giữ đà giảm nhẹ nhờ đà tăng của họ VINCOM. Về cơ bản hôm nay tín hiệu giao dịch tương đối thất vọng.

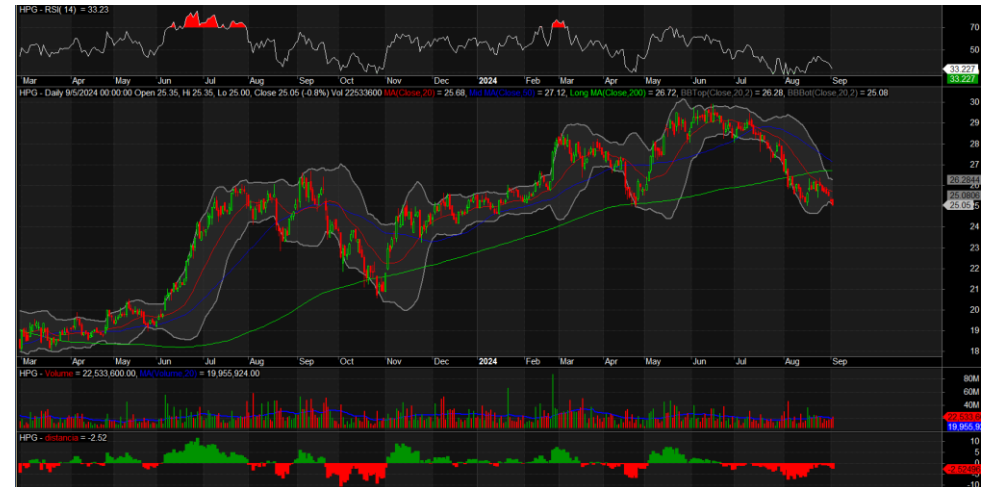
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 03 mã cho tín hiệu mua, 11 mã cho tín hiệu bán, 16 mã cho tín hiệu đi ngang. VNM, VHM, VIC...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 51% và 70% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ giảm điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 6. Hỗ trợ là 1,256 điểm và kháng cự là 1,300 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ kỹ thuật cổ phiếu HPG



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	514.81	515.34	514.28	NO	519.77	525.79	530.75	536.77	508.79	503.83	497.81	492.85
HNXINDEX	235.38	235.6	235.17	YES	236.68	238.39	239.69	241.4	233.67	232.37	230.66	229.36
UPIINDEX	93.6	93.67	93.53	YES	93.94	94.41	94.75	95.22	93.13	92.79	92.32	91.98
VN30	1312.75	1314.6	1310.9	NO	1318.75	1328.44	1334.44	1344.13	1303.06	1297.06	1287.37	1281.37
VNINDEX	1272.16	1274.13	1270.18	NO	1278.26	1288.32	1294.42	1304.48	1262.1	1256	1245.94	1239.84
VNXALL	2081.77	2084.35	2079.19	NO	2093.49	2110.38	2122.1	2138.99	2064.88	2053.16	2036.27	2024.55
VN30F1M	1310.17	1311.4	1308.93	YES	1316.13	1324.57	1330.53	1338.97	1301.73	1295.77	1287.33	1281.37
VN30F1Q	1309.6	1310.9	1308.3	YES	1316.2	1325.4	1332	1341.2	1300.4	1293.8	1284.6	1278
VN30F2M	1312.23	1313.7	1310.77	NO	1317.07	1324.83	1329.67	1337.43	1304.47	1299.63	1291.87	1287.03
VN30F2Q	1310.53	1312.75	1308.32	NO	1315.57	1325.03	1330.07	1339.53	1301.07	1296.03	1286.57	1281.53
BCM	71.5	71.3	71.7	NO	72.4	72.9	73.8	74.3	71	70.1	69.6	68.7
BID	48.93	49.05	48.82	NO	49.27	49.83	50.17	50.73	48.37	48.03	47.47	47.13
ACB	24.55	24.58	24.53	NO	24.65	24.8	24.9	25.05	24.4	24.3	24.15	24.05
BVH	44.68	44.67	44.69	YES	44.87	45.03	45.22	45.38	44.52	44.33	44.17	43.98
CTG	35.03	35.05	35.02	YES	35.47	35.93	36.37	36.83	34.57	34.13	33.67	33.23
FPT	131.1	131.35	130.85	NO	132.5	134.4	135.8	137.7	129.2	127.8	125.9	124.5
GVR	34.22	34.38	34.06	NO	34.58	35.27	35.63	36.32	33.53	33.17	32.48	32.12
GAS	83.8	84.05	83.55	NO	84.3	85.3	85.8	86.8	82.8	82.3	81.3	80.8
HDB	26.95	26.95	26.95	YES	27.2	27.45	27.7	27.95	26.7	26.45	26.2	25.95
HPG	25.13	25.17	25.09	NO	25.27	25.48	25.62	25.83	24.92	24.78	24.57	24.43
MBB	24.18	24.3	24.07	NO	24.47	24.98	25.27	25.78	23.67	23.38	22.87	22.58
MSN	74.7	75	74.4	NO	75.3	76.5	77.1	78.3	73.5	72.9	71.7	71.1
MWG	68.13	68.25	68.02	NO	68.67	69.43	69.97	70.73	67.37	66.83	66.07	65.53
POW	13.08	13.1	13.07	NO	13.27	13.48	13.67	13.88	12.87	12.68	12.47	12.28
PLX	46.33	46.47	46.19	NO	47.12	48.18	48.97	50.03	45.27	44.48	43.42	42.63
SAB	57.3	57.45	57.15	NO	57.9	58.8	59.4	60.3	56.4	55.8	54.9	54.3
SSB	18.53	18.55	18.52	YES	18.67	18.83	18.97	19.13	18.37	18.23	18.07	17.93
SHB	10.42	10.43	10.41	YES	10.48	10.57	10.63	10.72	10.33	10.27	10.18	10.12
SSI	33.25	33.33	33.17	NO	33.6	34.1	34.45	34.95	32.75	32.4	31.9	31.55
TCB	22.85	22.88	22.83	NO	23	23.2	23.35	23.55	22.65	22.5	22.3	22.15
STB	29.72	29.77	29.66	NO	30.03	30.47	30.78	31.22	29.28	28.97	28.53	28.22
TPB	17.65	17.67	17.63	NO	17.75	17.9	18	18.15	17.5	17.4	17.25	17.15
VHM	43.63	43.58	43.69	NO	44.57	45.38	46.32	47.13	42.82	41.88	41.07	40.13
VCB	90.43	90.6	90.27	NO	90.77	91.43	91.77	92.43	89.77	89.43	88.77	88.43
VIB	18.23	18.27	18.19	NO	18.32	18.48	18.57	18.73	18.07	17.98	17.82	17.73
VIC	45.13	45.18	45.09	YES	45.87	46.68	47.42	48.23	44.32	43.58	42.77	42.03
VJC	103.93	104	103.87	YES	104.87	105.93	106.87	107.93	102.87	101.93	100.87	99.93
VPB	18.38	18.42	18.34	NO	18.47	18.63	18.72	18.88	18.22	18.13	17.97	17.88
VNM	74.73	74.75	74.72	YES	75.37	76.03	76.67	77.33	74.07	73.43	72.77	72.13
VRE	19.9	20	19.8	NO	20.15	20.6	20.85	21.3	19.45	19.2	18.75	18.5

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
FPT	8,014,000	3,352,060	239	-1.8
HNG	7,657,800	2,957,140	259	6.85
EVG	4,840,300	1,990,040	243	5.86
FUEVFVND	2,637,800	952,090	277	-0.54
GMD	1,932,000	805,080	239.98	-0.25
TTA	1,737,900	756,980	230	1.38
KVC	965,300	167,690	576	6.67
VAB	864,500	282,990	305.49	4.49
BKG	802,400	162,910	493	0.28
VLB	619,600	187,530	330	4.38
VNP	394,900	17,410	2268.24	-3.51
IVS	250,300	70,670	354	0.97
ITS	229,200	93,220	246	0
SID	213,100	2,740	7,777	0
KPF	213,100	92,420	231	0.94
MCG	203,000	66,960	303.17	0
CBS	183,600	14,840	1,237	4.66
SPI	150,900	27,990	539	10
TA9	109,700	21,360	514	1.6
TXM	95,000	45,590	208	-4.55
SVT	91,600	42,960	213.22	-0.73
TV1	70,100	26,050	269	0.46
PXI	68,600	19,080	360	-4.17
SLS	62,100	8,940	695	-1.47
DOC	50,000	930	5,376	0
SBA	48,400	7,880	614.21	-2.53
SD5	48,200	8,880	543	0
DHA	44,300	20,770	213	0
BCF	39,700	7,310	543	4.01
PRT	38,700	3,920	987	0
APP	33,700	7,870	428	-6.94
HJC	31,800	1,460	2,178	11.11
CIA	31,100	4,960	627	-0.97
MGC	29,900	14,750	203	-1.47
SD3	29,800	2,140	1,393	-9.84
SZL	26,300	5,930	444	0.7
HLB	25,000	440	5,682	1.92
TMB	24,300	7,480	325	0.14
SGB	22,000	8,050	273	0
LIC	21,800	7,830	278	1.98

- Lưu ý: FPT, HNG...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
4-Sep	VOS	Mua	≤ 17.2	10% -20%	Buy Kumo Break out
4-Sep	NLG	Mua	≤ 43	10% -20%	Buy Kumo Break out
4-Sep	DPG	Mua	≤ 55	10% -20%	Mô hình Rally - Base - Rally/Nên mua khi có Break out

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 05/09, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.222 VND/USD, giảm trở lại 07 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.383 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.740 VND/USD, giảm mạnh 120 đồng so với phiên 04/09. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 35 đồng ở chiều mua vào và 105 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.215 VND/USD và 25.295 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 05/09, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,01 đpt ở hầu hết các kỳ hạn từ 1M trở xuống ngoại trừ tăng 0,02 đpt ở kỳ hạn 2W so với phiên trước đó; cụ thể: ON 4,55%; 1W 4,60%; 2W 4,72% và 1M 4,73%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 5,31%; 1W 5,35%; 2W 5,39%, 1M 5,43%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp không thay đổi ở kỳ hạn 3Y trong khi giảm nhẹ ở kỳ hạn 7Y và tăng nhẹ ở các kỳ hạn còn lại; chốt phiên với: 3Y 1,90%; 5Y 1,96%; 7Y 2,23%; 10Y 2,72%; 15Y 2,90%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 8.000 tỷ đồng, kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,25%. Có 7.789,94 tỷ đồng trúng thầu, có 5.573,23 tỷ đồng đáo hạn trong phiên hôm qua. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN, có 4.700 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn. Như vậy, NHNN bơm ròng 6.916,71 tỷ đồng ra thị trường thông qua nghiệp vụ thị trường mở. Khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố là 64.403,82 tỷ đồng, khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường ở mức 4.999,8 tỷ đồng.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và đề tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY



Giấc mơ Mỹ hiện có giá 4,4 triệu USD



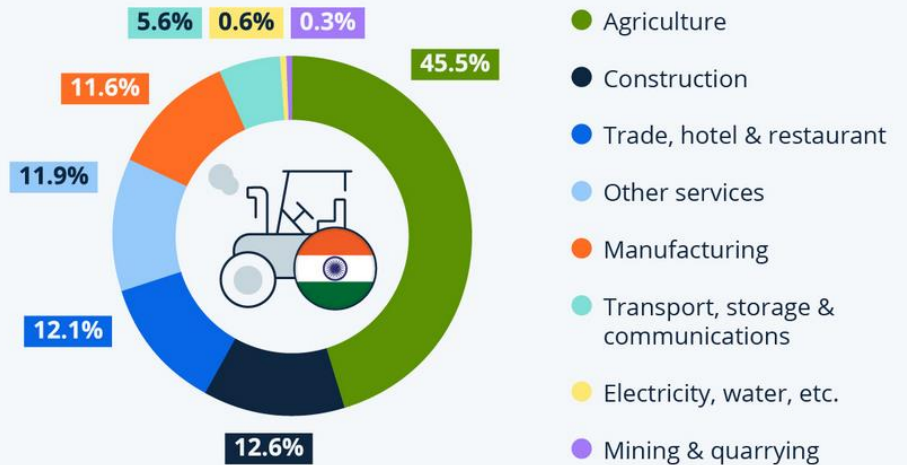
Sources: Allianz Partners USA, ASPCA, Experian, Freddie Mac, National Association of Realtors, National Center for Education Statistics, National Funeral Directors Association, The Knot, U.S. Bureau of Labor Statistics, U.S. Census Bureau, U.S. Department of Agriculture

Item	2024 (Last 12 Mo.)	Description
Retirement	\$1,599,995	Recommended minimum savings for 20 years of retirement, based on median income for households 65+.
Owning a new car	\$811,440	Total of monthly new car payments for two adults (not including fuel and maintenance) from ages 29-74.
Wedding	\$44,300	Wedding ceremony, reception, and engagement ring.
Raising two children plus college	\$832,172	Raising two children through age 17, then paying for each to attend a public 4-year institution.
Owning a home	\$929,955	Purchasing an existing single-family home financed with a 30-year mortgage assuming 20% down payment.
Pets	\$36,626	Total expense of owning one dog and one cat, including one-time and annual costs.
Yearly vacation	\$179,109	Taking one vacation per year from ages 22-84.
Funeral	\$8,453	Funeral including viewing and burial.
Total	\$4,442,050	

Nông nghiệp là công việc sử dụng lao động lớn nhất ở Ấn Độ

Agriculture Is the Biggest Employer in India

Share of workers in India, by broad industry of work (2021 - 22)



Source: Ministry of Statistics and Programme Implementation



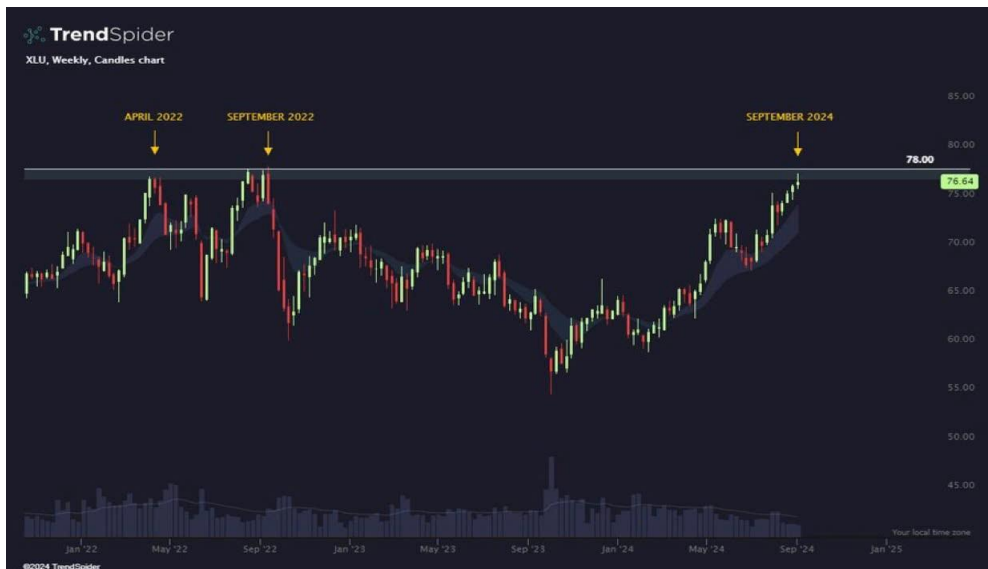
Nhóm xe điện đang phục hồi tốt



AMZN quay trở lại chu kỳ tăng giá ?



Ngành tiện ích đang tăng giá mạnh mẽ - Phù hợp chu kỳ cắt giảm lãi suất



S&P 500 vẫn đang trong chu kỳ điều chỉnh theo mùa



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng giảm đan xen vào tới nay.

(*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

